

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 32

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên
Ông Trương Bảo Kim	Thành viên
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban
Ông Đinh Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tấn Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Bá Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

**RSM**

RSM Việt Nam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường ĐaKao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt NamT +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 19.164TH/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10/08/2018 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 4.11 trong thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn về khoản thu nhập liên quan khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ Mây với tổng giá trị là 15.000.000.000 VND mà Tổng Công ty chưa ghi nhận vào sổ sách kế toán. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ Mây số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ Mây. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ Mây thuộc dự án đầu tư nêu trên.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.541.567.169	73.473.278.713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	43.026.770.879	33.636.332.836
1. Tiền	111		7.369.390.841	3.400.418.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.657.380.038	30.235.914.508
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.159.520.960	29.468.790.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	37.019.476.955	28.250.529.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	875.871.142	807.792.142
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	18.363.144.786	5.930.914.597
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(5.098.971.923)	(5.520.445.594)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	10.325.546.053	10.243.935.094
1. Hàng tồn kho	141		10.325.546.053	10.243.935.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.729.277	124.220.175
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	29.729.277	124.220.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.532.689.201.411	1.540.051.380.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.616.564.470	3.615.203.596
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	3.616.564.470	3.615.203.596
II. Tài sản cố định	220		591.429.426.038	600.619.926.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	31.981.033.425	35.220.953.821
- Nguyên giá	222		105.491.328.654	105.491.328.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.510.295.229)	(70.270.374.833)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	559.448.392.613	565.398.972.683
- Nguyên giá	228		580.057.238.472	580.057.238.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.608.845.859)	(14.658.265.789)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		339.148.038	339.148.038
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	339.148.038	339.148.038
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	935.756.036.807	933.790.141.836
1. Đầu tư vào công ty con	251		148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		662.982.094.919	662.982.094.919
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		138.356.750.401	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.341.769.900)	(16.307.664.871)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.548.026.058	1.686.960.213
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.548.026.058	1.686.960.213
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.637.230.768.580	1.613.524.658.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		335.268.784.194	297.269.518.642
I. Nợ ngắn hạn	310		319.767.274.194	281.763.008.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	951.537.685	342.563.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	65.973.520	20.415.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	373.682.490	154.465.938
4. Phải trả người lao động	314		4.126.820.732	3.200.884.225
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	30.044.232.339	20.633.357.417
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	626.636.361	24.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	31.859.046.451	6.665.864.090
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	250.000.000.000	250.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.719.344.616	720.913.335
II. Nợ dài hạn	330		15.501.510.000	15.506.510.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	15.501.510.000	15.506.510.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.301.961.984.386	1.316.255.140.258
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	1.301.961.984.386	1.316.255.140.258
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.416.462.121	1.978.152.150
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.641.472.265	64.372.938.108
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		36.498.218.166	35.606.738.694
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.143.254.099	28.766.199.414
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.637.230.768.580	1.613.524.658.900



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	4.21	57.863.964.574	67.570.598.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.22	55.730.810	16.344.380
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		57.808.233.764	67.554.253.790
4. Giá vốn hàng bán	11	4.23	49.090.332.456	56.269.297.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.717.901.308	11.284.955.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	20.510.695.466	20.645.032.196
7. Chi phí tài chính	22	4.25	6.717.187.221	10.021.553.991
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.678.082.192	9.963.016.977
8. Chi phí bán hàng	25	4.26	1.365.802.879	939.298.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	9.069.736.391	14.399.590.202
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.075.870.283	6.569.544.919
11. Thu nhập khác	31	4.28	91.383.995	686.079.399
12. Chi phí khác	32	4.29	24.000.179	254.004.388
13. Lợi nhuận khác	40		67.383.816	432.075.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.143.254.099	7.001.619.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.143.254.099	7.001.619.930



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.143.254.099	7.001.619.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.190.500.466	11.155.226.437
Các khoản dự phòng	03		(2.387.368.642)	(700.750.360)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(65.240.085)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.139.564.228)	(20.759.847.810)
Chi phí lãi vay	06		8.678.082.192	9.963.016.977
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.419.663.802	6.659.265.174
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.759.950.903)	(11.978.244)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(81.610.959)	(2.165.756.901)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.324.652.079	17.185.281.118
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		233.425.053	(1.482.797.101)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(11.068.640.553)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(439.878.690)	(761.614.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.696.300.382	8.353.759.048
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	127.863.364
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	2.899.520.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.994.824.935
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.693.947.186	6.129.121.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.693.947.186	14.151.329.336
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	4.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(60.364.444.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(56.364.444.447)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		9.390.247.568	(33.859.356.063)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.636.332.836	37.065.174.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		190.475	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		43.026.770.879	3.205.818.488



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Việt Nam	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	Việt Nam	167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%
Ngô Minh Anh	Việt Nam	251.250.000.000	20,10%	251.250.000.000	20,10%
Các cổ đông khác		38.970.000.000	3,12%	38.970.000.000	3,12%
Cộng		1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 76 người (31 tháng 12 năm 2017 là 74 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống; .
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau.	50,83%	50,83%	50,83%
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	62,37%	62,37%	62,37%
Các công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	47,90%	47,90%	47,90%
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Đẽ	Số 16/8B Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	26,46%	26,46%	26,46%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, P. Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	22,59%	22,59%	22,59%
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.	27,08%	27,08%	27,08%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	36,40%	36,40%	36,40%
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.	22,08%	22,08%	22,08%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2018 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, Xã Bảo Thuận, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngoại tệ	Tại ngày 30/06/2018 VND	Ngoại tệ	Tại ngày 01/01/2018 VND
- Tiền mặt tại quỹ		153.538.460		264.979.500
+ VND		153.538.460		264.979.500
- Tiền gửi ngân hàng		7.215.852.381		3.135.438.828
+ VND		7.198.768.271		3.118.395.201
+ USD	745,38 #	17.084.110	751,98 #	17.043.627
- Các khoản tương đương tiền		35.657.380.038		30.235.914.508
+ VND		35.657.380.038		30.235.914.508
Cộng		43.026.770.879		33.636.332.836

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng:	37.019.476.955	27.366.622.830
Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành	31.405.338.235	23.402.046.762
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.103.580.352	1.275.054.023
Các đối tượng khác	4.510.558.368	2.689.522.045
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 4.33	-	883.906.633
Cộng	37.019.476.955	28.250.529.463

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Du lịch và Thủy sản nước lạnh Thác Bạc	-	69.921.000
HTX cá hồi Thác Vàng Sapa	100.000.000	-
Cty TNHH TM Hải Hoà Phát	610.830.342	610.830.342
Các đối tượng khác	165.040.800	127.040.800
Cộng	875.871.142	807.792.142

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:	6.338.345.045	2.390.231.205	2.813.781.856	2.390.231.205
Phải thu BHXH	10.291.656	-	2.370.808	-
Tiền lãi dự thu	50.297.222	-	16.429.280	-
Phải thu cổ tức	3.254.082.100	-	-	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	1.521.188.795	1.521.188.795	1.521.188.795
Công ty TNHH SX & TM Năm Vàng	525.747.790	525.747.790	525.747.790	525.747.790
Tạm ứng	106.024.177	-	50.989.496	-
Phải thu khác	870.713.305	343.294.620	697.055.687	343.294.620
Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	12.024.799.741	693.632.741	3.117.132.741	943.632.741
Cộng	18.363.144.786	3.083.863.946	5.930.914.597	3.333.863.946
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.616.564.470	-	3.615.203.596	-
Cộng	3.616.564.470	-	3.615.203.596	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	5.185.590.286	86.618.363	5.607.063.957	86.618.363
Cộng	5.185.590.286	86.618.363	5.607.063.957	86.618.363

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP DV Tổng hợp Bình Minh	150.000.000	45.000.000	Từ 2-3 năm	150.000.000	45.000.000	Từ 2-3 năm
Công ty TNHH SX & TM Năm Vàng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.103.580.352	-	Trên 3 năm	1.275.054.023	-	Trên 3 năm
	1.521.188.795	-	Trên 3 năm	1.521.188.795	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	693.632.741	-	Trên 3 năm	943.632.741	-	Trên 3 năm
	7.579.000	3.789.500	Từ 1-2 năm	7.579.000	3.789.500	Từ 1-2 năm
Các khách hàng khác	126.096.210	37.828.863	Từ 2-3 năm	126.096.210	37.828.863	Từ 2-3 năm
	103.640.436	-	Trên 3 năm	103.640.436	-	Trên 3 năm
Cộng	5.185.590.286	86.618.363		5.607.063.957	86.618.363	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	170.746.111	-	208.306.831	-
Chi phí SX, KD dở dang	10.154.799.942	-	10.035.628.263	-
Cộng	10.325.546.053	-	10.243.935.094	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	20.729.277	78.250.296
Thuê nhà kho, mặt hồ	9.000.000	31.500.000
Chi phí sửa chữa tài sản	-	6.482.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	7.987.212
Cộng	29.729.277	124.220.175
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.331.841
Tiền thuê đất trả một lần	1.548.026.058	1.685.628.372
Cộng	1.548.026.058	1.686.960.213

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	94.235.847.836	7.585.208.844	3.365.435.055	304.836.919	105.491.328.654
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	94.235.847.836	7.585.208.844	3.365.435.055	304.836.919	105.491.328.654
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	59.921.987.442	7.048.652.608	2.994.897.864	304.836.919	70.270.374.833
Khấu hao trong kỳ	3.002.650.017	67.541.364	169.729.015	-	3.239.920.396
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	62.924.637.459	7.116.193.972	3.164.626.879	304.836.919	73.510.295.229
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	34.313.860.394	536.556.236	370.537.191	-	35.220.953.821
Tại ngày 30/06/2018	31.311.210.377	469.014.872	200.808.176	-	31.981.033.425

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2018 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.708.027.824 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 0 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	579.610.342.472	446.896.000	580.057.238.472
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	579.610.342.472	446.896.000	580.057.238.472
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	14.392.119.383	266.146.406	14.658.265.789
Khấu hao trong kỳ	5.933.585.268	16.994.802	5.950.580.070
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	20.325.704.651	283.141.208	20.608.845.859
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	565.218.223.089	180.749.594	565.398.972.683
Tại ngày 30/06/2018	559.284.637.821	163.754.792	559.448.392.613

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất, bao gồm:

Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, nguyên giá: 554.078.000.000 đồng. Ngày 24/01/2017 Chi cục Thuế Quận 1 đã xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất và ngày 27/01/2017 tại Công văn số 814 Sở Tài chính Hồ Chí Minh đã xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Quyền sử dụng đất trên và Tổng Công ty thực hiện trích khấu hao 50 năm bắt đầu từ ngày 01/01/2017.

Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 đồng và đang được Tổng Công ty trích khấu hao trong 32,5 năm (bắt đầu từ ngày 17/04/2015 đến ngày 16/10/2047).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 107.000.000 đồng.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.	229.453.856	229.453.856
Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, TP. Hà Nội	109.694.182	109.694.182
Cộng	339.148.038	339.148.038

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con:						
Công ty CP XNK Thủy sản Hà Nội	31.450.200.000	-	82.482.600.000	31.450.200.000	-	88.416.600.000
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	79.223.570.400	-	25.392.170.000	79.223.570.400	-	30.470.604.000
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	38.085.190.987	-	52.623.000.000	38.085.190.987	-	41.396.760.000
Cộng	148.758.961.387	-	160.497.770.000	148.758.961.387	-	160.283.964.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty CP Việt Pháp SX Thực phẩm gia súc Proconco (**)	546.897.499.662	-		546.897.499.662	-	
Công ty CP Thủy sản số 4	39.992.400.000	-	25.690.770.000	39.992.400.000	-	32.819.850.000
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	36.071.360.000	-	39.955.968.000	36.071.360.000	-	40.233.440.000
Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	-	26.205.228.000	10.918.845.000	-	30.572.766.000
Công ty CP Thủy sản số 5	9.362.396.255	-		9.362.396.255	-	
Công ty CP DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	-		7.055.024.691	-	
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (*)	4.994.824.935	-		4.994.824.935	-	
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	4.867.500.000	10.903.200.000	4.867.500.000	4.867.500.000	5.062.200.000
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	-		2.822.244.376	-	
Cộng	662.982.094.919	4.867.500.000		662.982.094.919	4.867.500.000	

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty CP Kỹ nghệ lạnh	53.249.400.000	-	61.034.400.000	53.249.400.000	-	76.812.000.000
Công ty CP Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-		26.220.102.358	-	
Công ty CP Thủy đặc sản	23.144.531.354	6.620.531.354	16.524.000.000	23.144.531.354	8.564.531.354	14.580.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	33.975.745.300	22.522.500.000	-	25.716.448.100
Công ty CP Kỹ thuật công trình Việt Nam	6.505.488.945	-		6.505.488.945	-	
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
Công ty CP Thiết bị hàng hải - Mecom	1.307.080.395	-		1.307.080.395	-	
Công ty CP Kinh doanh XNK Thủy sản	1.254.969.616	-		1.254.969.616	-	
Công ty CP Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	79.178.214		995.940.542	79.178.214	
Công ty CP SX TMDV Phú Mỹ	553.333.272	319.560.332		553.333.272	341.455.303	
Công ty CP Biển Tây	455.000.000	455.000.000		455.000.000	455.000.000	
Công ty CP Bao bì thủy sản	148.403.919	-		148.403.919	-	
Cộng	138.356.750.401	9.474.269.900		138.356.750.401	11.440.164.871	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

(*) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy Ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển trả phần vốn góp cho Tổng Công ty: 4.994.824.935 đồng (ngày 03/02/2017: 4.500.000.000 đồng và ngày 06/02/2017: 494.824.935 đồng).

(**) Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP XNK Thủy Sản Hà Nội, Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn, Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam, Công ty CP Công Nghiệp Thủy Sản, Công ty CP Đồ hộp Hạ Long, Công ty CP Thủy sản số 4, Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung, Công ty CP Kỹ nghệ lạnh, Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu, Công ty CP Thủy đặc sản trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Phi Huỳnh	230.130.000	230.130.000	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Chăn Nuôi Ngọc Long	349.350.000	349.350.000	198.075.000	198.075.000
Công ty TNHH Du lịch và Thủy sản nước lạnh Thác Bạc	338.202.000	338.202.000	-	-
Các đối tượng khác	33.855.685	33.855.685	44.488.182	44.488.182
Cộng	951.537.685	951.537.685	342.563.182	342.563.182

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Nam Japan Future	45.448.000	20.415.000
Các đối tượng khác	20.525.520	-
Cộng	65.973.520	20.415.000

4.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2018	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	346.550.742	4.728.985.801	4.510.712.930	128.277.871
Thuế thu nhập cá nhân	27.131.748	265.001.650	264.057.969	26.188.067
Tiền thuế đất	-	2.325.580.123	2.325.580.123	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	29.248.347	29.248.347	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	373.682.490	7.354.815.921	7.135.599.369	154.465.938

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lãi vay phải trả	27.081.505.217	18.403.423.025
Tiền thuê đất	2.844.705.120	2.066.785.120
Chi phí phải trả khác	118.022.002	163.149.272
Cộng	30.044.232.339	20.633.357.417

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cho thuê vị trí lắp đặt hệ thống quảng cáo	24.545.452	24.545.455
Cho thuê nhà 211 Nguyễn Thái Học	509.090.909	-
Cho thuê bãi	93.000.000	-
Cộng	626.636.361	24.545.455

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký cược, ký quỹ	263.000.000	-
Cổ tức năm 2017	24.998.100.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.603.121.516	1.671.039.155
Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	4.994.824.935	4.994.824.935
Cộng	31.859.046.451	6.665.864.090
Dài hạn:		
Nhận ký cược, ký quỹ	15.501.510.000	13.506.510.000
Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	-	2.000.000.000
Cộng	15.501.510.000	15.506.510.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Xây dựng Bắc Nam 79 (i)	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000

(i) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số 4.11).

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND		
Tại ngày 01/01/2017	1.250.000.000.000	(95.950.000)	391.160.144	38.780.722.706		1.289.075.932.850
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	7.304.246.929		7.304.246.929
Lỗ 2 chi nhánh chuyển về	-	-	-	(302.626.999)		(302.626.999)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.586.992.006	(1.586.992.006)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.586.992.006)		(1.586.992.006)
Tại ngày 30/06/2017	1.250.000.000.000	(95.950.000)	1.978.152.150	42.608.358.624		1.294.490.560.774
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	21.557.334.294		21.557.334.294
Lãi 2 chi nhánh chuyển về 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	207.245.190		207.245.190
Tại ngày 01/01/2018	1.250.000.000.000	(95.950.000)	1.978.152.150	64.372.938.108		1.316.255.140.258
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	12.243.320.082		12.243.320.082
Lỗ 2 chi nhánh chuyển về	-	-	-	(100.065.983)		(100.065.983)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.438.309.971	(1.438.309.971)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.438.309.971)		(1.438.309.971)
Trả cổ tức	-	-	-	(24.998.100.000)		(24.998.100.000)
Tại ngày 30/06/2018	1.250.000.000.000	(95.950.000)	3.416.462.121	48.641.472.265		1.301.961.984.386

Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	792.280.000.000	792.280.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	167.500.000.000	167.500.000.000
Ngô Minh Anh	251.250.000.000	251.250.000.000
Các cổ đông khác	38.875.000.000	38.875.000.000
Cộng	1.249.905.000.000	1.249.905.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
- Cổ phiếu phổ thông	9.500	9.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
- Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.990.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
Tiền:		
USD	745,38	751,98

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
Công ty CP XNK Thủy sản Tân Việt	-	47.914.627	-	47.914.627
Tòa án Nhân dân Tỉnh Bình Thuận	-	41.000.000	-	41.000.000
Thuế xuất nhập khẩu nộp hai lần tại Hải quan TP. Hồ Chí Minh	-	6.231.565	-	6.231.565
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	-	187.452.000	-	187.452.000
Cộng	-	282.598.192	-	282.598.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	28.550.307.486	41.491.163.995
Doanh thu bán thành phẩm	11.058.356.750	6.903.621.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.255.300.338	19.175.812.875
Cộng	57.863.964.574	67.570.598.170

4.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	55.730.810	16.344.380
Cộng	55.730.810	16.344.380

4.23. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.826.959.297	40.370.247.018
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.060.868.294	4.782.244.655
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	13.202.504.865	11.116.806.202
Cộng	49.090.332.456	56.269.297.875

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.496.478.100	19.976.821.100
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	637.463.808	75.050.261
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.622.320	25.551.317
Lãi bán hàng trả chậm	292.414.434	554.561.768
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	13.476.719	13.047.750
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	65.240.085	-
Cộng	20.510.695.466	20.645.032.196

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	8.678.082.192	9.963.016.977
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	19.147.736
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.965.894.971)	-
Chi phí tài chính khác	5.000.000	39.389.278
Cộng	6.717.187.221	10.021.553.991

4.26. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	763.011.111	435.407.080
Chi phí vật liệu, bao bì	1.204.500	12.202.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	124.358.435	120.008.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.121.224	30.121.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.751.619	164.472.514
Chi phí bằng tiền khác	292.355.990	177.087.208
Cộng	1.365.802.879	939.298.999

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.900.882.449	8.596.901.125
Chi phí vật liệu quản lý	82.471.276	125.877.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.245.600	184.318.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	581.461.133	2.381.846.279
Thuế, phí và lệ phí	290.450.072	1.508.509.831
Chi phí trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(421.473.671)	(700.750.360)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.867.089	1.174.157.002
Chi phí bằng tiền khác	682.832.443	1.128.730.042
Cộng	9.069.736.391	14.399.590.202

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	-	299.653.520
Thanh lý TSCĐ	-	127.863.364
Thu nhập khác	91.383.995	258.562.515
Cộng	91.383.995	686.079.399

4.29. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí người đại diện vốn	24.000.000	253.253.520
Chi phí khác	179	750.868
Cộng	24.000.179	254.004.388

4.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	12.143.254.099	7.001.619.930
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	217.272.681	343.038.343
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	217.272.681	343.038.343
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	19.561.718.185	19.976.821.100
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	65.240.085	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.496.478.100	19.976.821.100
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.201.191.405)	(12.632.162.827)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

4.31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.856.032.306	1.119.814.728
Chi phí nhân công	8.837.531.957	9.032.308.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.190.500.466	11.155.226.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.272.144.092	2.146.388.987
Chi phí khác bằng tiền	4.083.348.958	5.574.283.500
Cộng	32.239.557.779	29.028.021.857

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.32. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Tổng Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là nuôi trồng và thương mại ngành thủy sản và ba bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận-theo khu vực địa lý mà Tổng Công ty hoạt động.

Số liệu cụ thể của tình hình hoạt động của từng bộ phận theo khu vực địa lý:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Lâm Đồng		Thành phố Hải Phòng		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu	46.074.664.341	59.587.367.501	11.264.149.250	7.098.069.484	555.637.565	885.161.185	(30.486.582)	-	57.863.964.574	67.570.598.170
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	55.730.810	16.344.380	-	-	-	-	55.730.810	16.344.380
Giá vốn	39.981.646.354	50.317.866.391	8.156.350.261	4.803.652.208	952.335.841	1.147.779.276	-	-	49.090.332.456	56.269.297.875
Lợi nhuận gộp	6.093.017.987	9.269.501.110	3.052.068.179	2.278.072.896	(396.698.276)	(262.618.091)	(30.486.582)	-	8.717.901.308	11.284.955.915
Doanh thu hoạt động tài chính	20.500.295.206	20.635.895.290	9.388.100	8.563.100	10.661.145	573.806	(9.648.985)	-	20.510.695.466	20.645.032.196
Chi phí tài chính	6.717.187.221	9.986.553.991	44.648.985	35.000.000	-	-	(44.648.985)	-	6.717.187.221	10.021.553.991
Lợi nhuận kế toán trước thuế									12.143.254.099	7.001.619.930
Chi phí thuế TNDN hiện hành										
Lợi nhuận sau thuế TNDN									12.143.254.099	7.001.619.930

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Lâm Đồng		Thành phố Hải Phòng		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản cố định	584.076.145.505	592.162.590.217	2.507.656.224	3.162.099.568	4.845.624.309	5.295.236.719	-	-	591.429.426.038	600.619.926.504
- Nguyên giá	651.207.328.994	651.207.328.994	9.384.633.101	9.384.633.101	24.956.605.031	24.956.605.031	-	-	685.548.567.126	685.548.567.126
- Hao mòn lũy kế	(67.131.183.489)	(59.044.738.777)	(6.876.976.877)	(6.222.533.533)	(20.110.980.722)	(19.661.368.312)	-	-	(94.119.141.088)	(84.928.640.622)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.33. Thông tin về các bên có liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP XNK Thủy sản Hà Nội	Công ty con
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty CP DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Phú Gia Linh	Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	693.632.741	943.632.741
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	2.173.500.000	2.173.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Phú Gia Linh	-	883.906.633
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	130.050.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	554.400.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	5.934.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	2.539.217.000	-
Cộng - xem thêm mục 4.2 và mục 4.4	12.024.799.741	4.001.039.374
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả		
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	4.994.824.935
Công ty TNHH Đầu tư Phú Gia Linh	-	2.000.000.000
Cộng - xem thêm mục 4.17	4.994.824.935	6.994.824.935

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cố tức:		
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	2.183.769.000	2.183.769.000
Công ty CP XNK Thủy sản Hà Nội	5.934.000.000	3.263.700.000
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	2.539.217.000	1.523.530.200
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	130.050.000	130.050.000
Công ty CP DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	192.000.000	160.000.000
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	-	2.631.150.000
Công ty CP Thủy sản số 4	-	2.173.500.000
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	1.387.360.000	693.680.000
Công ty CP Thủy sản số 5	554.400.000	554.400.000
Cộng	12.920.796.000	13.313.779.200

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	1.550.049.300	1.974.491.224
Cộng	1.550.049.300	1.974.491.224

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và chi phí hoạt động	36.000.000	24.000.000

4.35. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động*Tổng Công ty là bên cho thuê .*

Tổng Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	15.885.418.749	16.992.216.908

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.36. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tổng Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tổng Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tổng Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tổng Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.026.770.879	33.636.332.836
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.394.728.797	32.833.672.100
Đầu tư tài chính dài hạn	128.882.480.501	126.916.585.530
Cộng	226.303.980.177	193.386.590.466
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	250.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	43.317.269.201	17.520.112.337
Chi phí phải trả	30.044.232.339	20.633.357.417
Cộng	323.361.501.540	288.153.469.754

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tổng Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tổng Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tổng Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.394.728.797	32.833.672.100
Cộng	54.394.728.797	32.833.672.100

Tổng Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	250.000.000.000	57.859.991.540	307.859.991.540
Trên 01 năm	-	15.501.510.000	15.501.510.000
Tại ngày 30/06/2018	250.000.000.000	73.361.501.540	323.361.501.540
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	250.000.000.000	22.646.959.754	272.646.959.754
Trên 01 năm	-	15.506.510.000	15.506.510.000
Tại ngày 01/01/2018	250.000.000.000	38.153.469.754	288.153.469.754

Tổng Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tổng Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tổng Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Hiện tại, Tổng Công ty không nắm giữ các khoản vay và nợ phải thu có bản chất dài hạn. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất cố định	250.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

Rủi ro ngoại tệ

Tổng Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
Tại ngày 30/06/2018			
Đô la Mỹ	48.149,23	745,38	48.894,61
Tại ngày 01/01/2018			
Đô la Mỹ	59.115,12	751,98	59.867,10

4.37. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập